

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP – NĂNG LƯỢNG
QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY
LỘC HÓA DẦU VIỆT NAM
VIET NAM NATIONAL
INDUSTRY – ENERGY GROUP
PETROVIETNAM REFINING AND
PETROCHEMICAL CORPORATION

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số/No.: 4806 /BSR-VPĐQT
V/v công bố giao dịch với người có liên quan
Re: Disclosure of Related Person
Transactions

Quảng Ngãi, ngày 14 tháng 7 năm 2026
Quang Ngai, July 14th, 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG
EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.
To: Hochiminh Stock Exchange

- Tên tổ chức: Công ty cổ phần – Tổng Công ty Lộc hóa dầu Việt Nam
Name of company: Petrovietnam Refining and Petrochemical Corporation
 - Mã chứng khoán: BSR
Stock symbol: BSR
 - Địa chỉ: số 208 Đại lộ Hùng Vương, phường Nghĩa Lộ, tỉnh Quảng Ngãi
Address of head office: 208 Hung Vuong Avenue, Nghia Lo ward, Quang Ngai province.
 - Điện thoại liên hệ: 0255 3825825 Fax: 0255 3825826
Telephone: (+84) 02553825825 Fax: (+84) 02553825826
 - Email: dhcd@bsr.com.vn
- Nội dung công bố: Ngày 14/07/2026, Hội đồng quản trị BSR thông qua giao dịch với người có liên quan là Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP (PVOIL), cụ thể: Phê duyệt điều chỉnh lượng hợp đồng term và kết quả đàm phán mức phụ phí (Pre) 6 tháng cuối năm 2026. Giá trị giao dịch tạm tính với PVOIL là 21.134.131.429.869 đồng.

Contents of disclosure: On July 14th, 2026, the Board of Directors of BSR approved related-person transactions with Petrovietnam Oil Corporation (PVOIL), specifically: Approving the adjustments to term contract volumes and the negotiated petroleum product premium (Pre) levels for the second half of 2026. The



estimated value of transactions with PVOIL amounts to VND 21,134,131,429,869.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 14/07/2026 tại đường dẫn www.bsr.com.vn, chuyên mục Nhà đầu tư.

This information was published on the company's website on July 14th, 2026, as in the link www.bsr.com.vn/web/bsr-eng, Investor Relations.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We hereby certify that the information provided is true and correct, and we bear the full responsibility under the law.

Nơi nhận/To:

- Như trên (Công bố điện tử);
As above (E-Disclosure)
- HĐQT;
BOD;
- BKS;
Supervisory Board;
- TGĐ (đề b/c);
President & CEO (to report);
- Ban: PTKD, NL, PCRR, KTNB;
Divisions: TRD, CFD, LRM, IA;
- Lưu: VT, VP HĐQT.
Save: DC, OBOD.

Tài liệu đính kèm/Attached documents:

- Quyết định số 3567/QĐ-BSR ngày 14/07/2026;
Decision No. 3567/NQ-BSR dated 14/07/2026.

**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
AUTHORIZED TO DISCLOSE
INFORMATION
VICE PRESIDENT**



Lê Mạnh Hùng



Số: 3567 /QĐ-BSR

Quảng Ngãi, ngày 14 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh lượng hợp đồng term và kết quả đàm phán mức phụ phí (Pre) xăng dầu áp dụng cho 6 tháng cuối năm 2026

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY LỘC HÓA DẦU VIỆT NAM

Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần - Tổng Công ty Lộc hóa dầu Việt Nam đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

Căn cứ Quyết định số 2710/QĐ-BSR ngày 17/04/2023 của Hội đồng quản trị về việc ban hành Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn (nay là Công ty cổ phần – Tổng Công ty lộc hóa dầu Việt Nam);

Căn cứ Quyết định số 1260/QĐ-BSR ngày 25/04/2024 của Hội đồng quản trị về việc phê duyệt và ban hành Chính sách bán sản phẩm của Công ty cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn (nay là Công ty cổ phần – Tổng Công ty lộc hóa dầu Việt Nam);

Căn cứ Quyết định số 1261/QĐ-BSR ngày 25/04/2024 của Hội đồng quản trị về việc phê duyệt và ban hành Phê duyệt và ban hành Quy chế kinh doanh sản phẩm của Công ty cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn (nay là Công ty cổ phần – Tổng Công ty lộc hóa dầu Việt Nam);

Căn cứ Công văn số 3104/BSR-HĐQT ngày 19/12/2025 của Hội đồng quản trị về việc phương án đàm phán giá 6 tháng cuối năm 2026;

Xét đề nghị của Tổng Giám đốc tại Tờ trình số 3479/TTr-BSR ngày 8/7/2026 về việc điều chỉnh lượng theo hợp đồng term và kết quả đàm phán mức phụ phí (Pre) 6 tháng cuối năm 2026 (2h2026),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh lượng hợp đồng term và kết quả đàm phán mức phụ phí (Pre) 6 tháng cuối năm 2026 với các nội dung như sau:

- Đồng ý ký hợp đồng miniterm 6 tháng cuối năm 2026 với Công ty TNHH Petro Bình Minh; điều chỉnh lượng của một số khách hàng và các nội dung

khác của hợp đồng trong 06 tháng cuối năm 2026 như Phụ lục 01 đính kèm.

- Phê duyệt kết quả đàm phán về mức phụ phí xăng dầu của Hợp đồng định hạn áp dụng cho 6 tháng cuối năm 2026 như Phụ lục 02 đính kèm.
- Giá trị dự kiến giao dịch với các khách hàng: Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP (PVOIL): 21.134.131.429.869 VND.

Điều 2. Giao Tổng Giám đốc chỉ đạo triển khai các công việc tiếp theo tuân thủ quy định hiện hành, đảm bảo hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Điều 3. Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Nhà máy, Giám đốc Chi nhánh, Trưởng các ban chức năng liên quan trực thuộc Công ty chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TV HĐQT;
- BKS;
- Ban GĐNM;
- Ban: PTKD, NL, KHSX, TCKT, PCRR, KTNB;
- Lưu: VT, VPHĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Bùi Ngọc Dương



PHỤ LỤC 01
KHỐI LƯỢNG ĐIỀU CHỈNH TERM 6 THÁNG CUỐI NĂM 2026
VÀ CÁC NỘI DUNG KHÁC CỦA HỢP ĐỒNG

(Kèm theo Quyết định số 3567/QĐ-BSR ngày 14 tháng 7 năm 2026)

1. Đối với lượng tăng thêm:

DVT: m3/tháng, +/-10%

KHÁCH HÀNG	Xăng không chì RON 90 mức 2	Xăng E10 RON95	Xăng E10 RON 97	E5 RON 92
Petrolimex				
PVOIL				
MP				
S.T.S				
Nam Phúc				
Petro Bình Minh				
Tổng	8.500-10.500	2.500-7.500	3.000	1.700-2.600
Tổng cộng	16.200-23.600			

2. Đối với lượng giảm:

DVT: m3/tháng, +/-10%

KHÁCH HÀNG	Jet A-1	KO
Petrolimex		
PA		
Skypec		

3. Các nội dung khác của hợp đồng:

- Đối với sản phẩm xăng dầu xuất hàng theo điều kiện FOB: trung bình giá 20 ngày lịch sau ngày vận đơn (ngày vận đơn tính là 1 ngày).
- Đối với giá MOPS KO (dầu hỏa) theo điều kiện FCA: Trung bình giá MOPS sản phẩm từ thứ năm tuần trước đến thứ 4 tuần này áp dụng cho lượng mua từ thứ năm tuần này đến thứ 4 tuần sau.



PHỤ LỤC 02 - PHỤ PHÍ (PRE) ÁP DỤNG 6 THÁNG CUỐI NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 3567/QĐ-BSR ngày 14 tháng 7 năm 2026)

1. Đối với thi trường nội địa

1.1. Đối với sản phẩm xăng dầu:

Công thức giá: Công thức giá:

(MOPS đối với xăng không chì RON 92 mức 2, xăng E10RON 95 tham chiếu xăng 95; Xăng E10RON 97 tham chiếu giá xăng RON 97; xăng không chì RON 90 mức 2, xăng E5 RON 92 tham chiếu xăng 92; DO tham chiếu giá DO 500 ppm).

Mức Pre áp dụng cho 6 tháng cuối năm 2026 cụ thể như sau:

Đối với giao hàng bằng đường biển/đường ống

- Xăng không chì RON 92 mức 2/xăng không chì RON 90 mức 2: USD/thùng.
- Xăng E10RON 95/RON 97 mức 3 **USD/thùng.**
- Dầu DO: USD/thùng.

Giữ nguyên mức chênh lệch Phụ phí giữa các Nhóm khách hàng xăng dầu, cụ thể:

Mức chênh giữa Nhóm 2 và Nhóm 1: USD/thùng;

Mức chênh giữa Nhóm 3 và Nhóm 2: USD/thùng.

Đối với giao nhận CIF/CFR:

Trường hợp khách hàng có nhu cầu, triển khai giải pháp giao hàng theo điều kiện CIF/CFR dựa trên nguyên tắc mức Pre FOB Dung Quất cộng (+) chi phí đưa hàng về cảng dỡ hàng theo các hợp đồng của BSR (ước tính USD/thùng). Giao Tổng Giám đốc chủ động phê duyệt triển khai thực hiện.

Đối với giao nhận đường bộ:

 $+$

+

1.2. Đối với sản phẩm Jet A-1/KO (Petrolimex, Skypec, PA):

Công thức giá:

- Pre đối với giao nhận đường biển = USD/thùng (hệ số k được xem xét phù hợp với quy định hiện hành của Nhà nước: nếu Nhà nước quy định thuế nhập khẩu xăng dầu nếu Nhà nước không miễn thuế nhập khẩu xăng dầu).
- Pre Jet A-1 giao nhận đường bộ: USD/thùng so với giao nhận bằng đường biển.
- Pre KO giao nhận đường bộ đối với USD/thùng so với giao nhận bằng đường biển.

2. Đối với xuất khẩu sang Lào:

Công thức giá xuất khẩu:



(MOPS đối với xăng không chì RON 90 mức 2 tham chiếu xăng 92; DO tham chiếu giá DO 500 ppm).

Mức Pre áp dụng cho 6 tháng cuối năm 2026 (giao nhận đường bộ) cụ thể như sau:

- Xăng không chì RON 90 mức 2: USD/thùng.
- Dầu DO: USD/thùng.

Dầu DO: USD/thùng.



No: 3567 /QĐ-BSR

Quang Ngai, July 14th, 2026

DECISION

On approval of Adjustments to Term Contract Volumes and Negotiation Results on Petroleum Product Premiums (Pre) Applicable to the Second Half of 2026

THE BOARD OF DIRECTORS PETROVIETNAM REFINING AND PETROCHEMICAL CORPORATION

Pursuant to the Charter of Petrovietnam Refining and Petrochemical Corporation (BSR), as approved by the General Meeting of Shareholders;

Pursuant to the Internal Regulation on Corporate Governance and the Regulation on Operation of the Board of Directors of Petrovietnam Refining and Petrochemical Corporation issued together with Decision No. 2710/QĐ-BSR dated April 17, 2023 and amended and supplemented by Resolution No. 2450/NQ-BSR dated May 19, 2026;

Pursuant to Decision No. 1260/QĐ-BSR dated April 25, 2024 on the Product Sales Policy of the Board of Directors of Petrovietnam Refining and Petrochemical Corporation;

Pursuant to Decision No. 1261/QĐ-BSR dated April 25, 2024 on Products Business Regulations of the Board of Directors of Petrovietnam Refining and Petrochemical Corporation;

Pursuant to Official Letter No. 3104/BSR-HĐQT dated 19 June 2026 of the Board of Directors regarding the pricing negotiation plan for the second half of 2026;

Considering the proposal of the President & Chief Executive Officer in Submission No. 3479/TTr-BSR dated 8 July 2026 regarding the adjustment of term contract volumes and the negotiation results of petroleum product premiums (Pre) applicable to the second half of 2026 (H2 2026),



DECISION

Article 1. To approve the adjustments to term contract volumes and the negotiated petroleum product premium (Pre) levels for the second half of 2026, with the following details:

- To approve the execution of a mini-term contract for the second half of 2026 with Petro Binh Minh Company Limited; and to approve the adjustment of volumes for certain customers and other contract matters for the second half of 2026, as set out in Appendix 01 attached hereto.
- To approve the negotiated petroleum product premium (Pre) levels applicable to term contracts for the second half of 2026, as set out in Appendix 02 attached hereto.
- The estimated transaction value with customer PetroVietnam Oil Corporation – Joint Stock Company (PVOIL) is VND 21,134,131,429,869.

Article 2. The President & CEO shall be responsible for directing the implementation of the follow-up actions in compliance with the applicable regulations, ensuring the Company's operational efficiency and business performance.

Article 3. The President & CEO, Vice Presidents, Refinery Director and Heads of relevant units of the Corporation shall be responsible for the implementation of this Decision.

Recipients:

- As Article 3;
- BOD,
- SB;
- BOM;
- Vice President: M.T.Dat, L.M.Hai;
- TRD, LRM, CFD, RPD, IAD;
- Filed: DC, OBOD.

**ON BEHALF OF THE BOARD OF
DIRECTORS
CHAIRMAN**



Bui Ngoc Duong



APPENDIX 1 – ADJUSTED TERM CONTRACT VOLUMES FOR THE SECOND HALF OF 2026 AND OTHER CONTRACTUAL TERMS

(Attached to Decision No. 3567/QĐ-BSR dated 14/7/2026)

1. Additional Volumes:

UOM: m3/month, +/-10%

Customer	RON 90 Grade 2 Unleaded Gasoline	E10 RON95 Gasoline	E10 RON97 Gasoline	E5 RON 92 Gasoline
Petrolimex				
PVOIL				
MP				
S.T.S				
Nam Phuc				
Petro Binh Minh				
Total	8.500-10.500	2.500-7.500	3.000	1.700-2.600
Grand Total	16.200-23.600			

2. Volume Reductions:

UOM: m3/month, +/-10%

Customer	Jet A-1	KO
Petrolimex		
PA		
Skypec		

3. Other Terms of the Contract:

- FOB petroleum products: Average MOPS over the 20 calendar days following the Bill of Lading date (inclusive of the Bill of Lading date).
- FCA Kerosene (KO): Average MOPS from Thursday of the previous week to Wednesday of the current week, applicable to purchase volumes lifted from Thursday of the current week to Wednesday of the following week.



APPENDIX 2– PETROLEUM PRODUCT PREMIUMS (PRE) APPLICABLE TO THE SECOND HALF OF 2026

(Attached to Decision No. 3567/QĐ-BSR dated 14/07/2026)

1. Domestic Market

1.1. Petroleum Products:

(For MOPS references: RON 92 Grade 2 Unleaded Gasoline and E10 RON95 Gasoline shall be referenced against RON95 gasoline prices; E10 RON97 Gasoline against RON97 gasoline prices; RON 90 Grade 2 Unleaded Gasoline and E5 RON92 Gasoline against RON92 gasoline prices; and Diesel Oil (DO) against DO 500 ppm prices.)

The Pre applicable to the second half of 2026 shall be as follows:

For marine/pipeline deliveries (applicable to Group 1 customers):

- RON 92 Grade 2 Unleaded Gasoline / RON 90 Grade 2 Unleaded Gasoline: +USD /barrel.
- E10 RON95 / E10 RON97 Grade 3 Gasoline: +USD /barrel.
- Diesel Oil (DO): +USD barrel.

The premium differentials among customer groups shall remain unchanged, as follows:

- Difference between Group 2 and Group 1: +USD /barrel.
- Difference between Group 3 and Group 2: +USD /barrel.

For CIF/CFR deliveries:

Where requested by customers, deliveries under CIF/CFR terms may be implemented based on the principle that the FOB Dung Quat Pre plus the transportation cost from Dung Quat to the discharge port under BSR's shipping contracts (estimated in USD/barrel) shall apply. The President & CEO is authorized to proactively implement this arrangement.

For FCA deliveries:

+

1.2. Jet A-1 / Kerosene (KO) Products (Petrolimex, Skypec, PA):

Pricing Formula:

- FOB delivery Pre = USD/barrel, where coefficient k shall be determined in accordance with prevailing government regulations:
 - a petroleum import duty; if the Government maintains
 - maintained. if the petroleum import duty exemption is not
- Jet A-1 road-delivery Pre: /barrel compared with marine delivery.
- KO road-delivery Pre for Petrolimex: add USD /barrel compared with marine delivery.



2. Export Sales to Laos:

Export Pricing Formula:

(For MOPS references: RON 90 Grade 2 Unleaded Gasoline shall be referenced against RON 92 gasoline prices; Diesel Oil (DO) shall be referenced against DO 500 ppm prices.)

The Pre applicable to the second half of 2026 for road deliveries shall be as follows:

:

- RON 90 Grade 2 Unleaded Gasoline: +USD /barrel.
 - Diesel Oil (DO): +USD 0/barrel.
- Diesel Oil (DO): +USD /barrel.**

